

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2022/DS-ST  
Ngày: 16/9/2022  
V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Anh Thư.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Thanh Nhân;
2. Ông Nguyễn Văn Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022, về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 504/2022/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Bích N, sinh năm 1963; địa chỉ: số 100D, khóm T, thị trấn V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện hợp pháp của bà N là bà Lê Nguyễn Thị Trúc X, sinh năm 1989, địa chỉ: Số nhà 355A, Khóm T, thị trấn V, tỉnh Đồng Tháp, là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 09/8/2022) (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Công M, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 186, ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay: ấp V, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp (Có văn bản xin vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản làm việc nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích N trình bày:* Do chỗ quen biết, ngày 29/8/2018 âm lịch, bà có cho vợ chồng ông M, bà Thu H vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, thời hạn vay 01 năm, mục đích vay để vợ chồng ông M, bà Thu H thuê đất. Ông M, bà Thu H trả lãi cho bà được 03 tháng x 6.000.000 đồng = 18.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Việc vay có làm biên nhận nợ, biên nhận do H viết, M và H có ký tên. Việc vay không thế chấp tài sản nhưng M có giao bản chính giấy phép đăng ký xe mô tô biển 67T3-1666, loại xe Honda SH do M đứng tên để làm tin. Đến hạn vợ chồng M, H không thực hiện việc trả nợ cho bà. Đến cuối năm 2019 bà đến tìm M, H để đòi số nợ này thì mới biết M và H đã ly hôn. Lúc này bà gặp M, bà và M thỏa thuận xác định chia nghĩa vụ giữa M và H, cụ thể M và H mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 200.000.000 đồng, M đồng ý và xin hứa trả dần, nhưng không thực hiện. Việc bà và M thỏa thuận không làm giấy tờ. Sau đó, đến cuối năm 2020 Thu H có đến nhà trả cho bà số tiền 200.000.000 đồng, nhưng do chỗ quen biết bà với Thu H không làm giấy tờ. Hiện nay, còn nghĩa vụ của M chưa thực hiện, bà có đến đòi nhiều lần ông M hẹn trả dần nhưng lại không thực hiện. Nay bà yêu cầu ông Phạm Công M trả lại cho bà số tiền vay 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Bà đồng ý trả lại bản chính Giấy đăng ký mô tô xe máy biển số 67T3-1666 do ông Phạm Công M đứng tên.

Tại phiên Tòa, Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*Tại biên bản làm việc, bị đơn ông Phạm Công M trình bày:* Mỗi quan hệ của ông với bà N quen biết qua việc vay tiền, còn bà Thu H trước đây là vợ chồng. Ông không nhớ thời gian, thời điểm vợ chồng còn sống chung, vợ chồng ông có vay tiền của bà N 400.000.000 đồng, lãi suất không biết, do vợ (H) thỏa thuận với bà N, việc vay không xác định thời gian trả, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh của vợ chồng. Việc vay tiền ông có đưa cho bà N bản chính giấy đăng ký xe mô tô biển 67T3-1666, loại xe Honda SH do ông đứng tên để làm tin, mà không có việc thỏa thuận thế chấp tài sản xe mô tô trên để đảm bảo khoản vay. Việc vay tiền có làm biên nhận, ông và vợ có ký tên. Vợ chồng ông trả lãi đầy đủ cho bà N, đến khoảng năm 2019 (không nhớ rõ thời gian) do làm ăn thua lỗ, không còn khả năng trả lãi cho bà N, vợ chồng ông có đến gặp bà N để thương lượng xin không trả lãi, còn vốn từ từ sẽ trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, nhưng bà N không đồng ý. Sau đó, do vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, đến khoảng tháng 01 năm 2020 ông với bà Thu H ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới. Trước khi ông và bà H khởi

kiện ly hôn, số nợ mà vợ chồng ông nợ bà N, ông với bà H có thỏa thuận mỗi người sẽ trả cho bà N 200.000.000 đồng, nhưng với điều kiện bà N phải để ông trả dần. Bà H điện thoại trao đổi với bà N, nói lại với ông là bà N đồng ý. Do đó, ông với bà H nộp đơn khởi kiện ly hôn và thuận tình ly hôn tại Tòa án Chợ Mới. Sau khi ông với bà H ly hôn thì bà N có đến gặp ông để yêu cầu trả số tiền 200.000.000 đồng nhưng do tình hình kinh tế đang khó khăn ông xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, nhưng bà N không đồng ý nên ông chưa trả tiền cho bà N. Đối với yêu cầu của bà N ông đồng ý trả cho bà N số tiền 200.000.000 đồng, nhưng hoàn cảnh khó khăn, ông xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Ông không yêu cầu Tòa án xử lý đối với bản chính giấy đăng ký xe mô tô.

Tại phiên Tòa, bị đơn ông Phạm Công M giữ nguyên ý kiến trình bày.

*Tại văn bản trình bày ý kiến, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:* Khoảng năm 2018, bà với ông M còn là vợ chồng có vay của bà Huỳnh Thị Bích N số tiền 400.000.000 đồng. Sau khi bà với ông M ly hôn, năm 2020 bà có nhờ anh ruột là ông Nguyễn Quốc M trả cho bà N số tiền 200.000.000 đồng, còn 200.000.000 đồng là nợ của ông M, nên ông M có trách nhiệm trả cho bà N. Sau khi đưa bà N 200.000.000 đồng, bà đã nhận lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Thị Bảy mà lúc vay thế chấp cho bà N. Số tiền 200.000.000 đồng là nghĩa vụ riêng của ông Phạm Công M, bà không đồng ý liên đới trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Do là chỗ quen biết, ngày 29/8/2018a, bà Huỳnh Thị Bích N có cho ông Phạm Công M, bà Nguyễn Thị Thu H (thời điểm này vẫn còn là vợ chồng) vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 1.5%/tháng, thời hạn vay là 1 năm, mục đích vay là để bổ vốn kinh doanh, có làm biên nhận vay tiền do ông M, bà H cùng ký tên, ông M có giao giấy chứng nhận đăng ký xe số 008692, biển số đăng ký 67T3-1666 do Công an huyện Chợ Mới cấp ngày 27/7/2010. Sau khi vay, vợ chồng ông M, bà H có đóng lãi được 03 tháng với số tiền 18.000.000 đồng thì ngưng không đóng lãi và cũng không trả vốn. Sau khi bà H, ông M ly hôn thì bà H có đến gặp bà và trả số tiền 200.000.000 đồng. Đến nay, bà nhiều lần gặp ông M và yêu cầu ông trả số tiền 200.000.000 đồng nhưng ông M không thực hiện. Nay bà N yêu cầu ông M trả lại cho bà số tiền vay 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Bà N đồng ý trả lại cho ông M bản chính giấy đăng ký xe mô tô biển 67T3-1666 do ông Phạm Công M đứng tên.

Phía ông Phạm Công M thừa nhận còn nợ bà N 200.000.000 đồng, đồng ý trả số tiền trên, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi dứt nợ, không yêu cầu xử lý đối với bản chính giấy đăng ký xe mô tô biển số 67T3-1666 do ông M đứng tên.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà N, ông M, bà H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, thể hiện qua biên nhận nợ có chữ ký tên xác nhận của ông M, bà H đã nhận từ bà N với tổng số tiền 400.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng do ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà N khởi kiện yêu cầu ông M trả số tiền 200.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Ông M yêu cầu trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, không được bà N đồng ý nên không có cơ sở xem xét giải quyết.

Tại thời điểm hợp đồng được ký kết, thì mối quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà H vẫn còn tồn tại nhưng do bà N xác định bà H đã thực hiện xong phần nghĩa vụ của mình là trả số tiền 200.000.000 đồng và bà N không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H liên đới trả nợ nên không đề cập đến.

Riêng, giấy đăng ký xe mô tô biển số 67T3-1666 do ông Phạm Công M đứng tên được Công an huyện Chợ Mới cấp ngày 27/7/2010 do ông M giao cho bà N để làm tin trong việc vay tiền, bà N đồng ý giao trả nên cần buộc bà N giao lại ông M giấy chứng nhận nêu trên.

Về lãi suất, do bà N không yêu cầu nên không đề cập đến.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bích N.
- Buộc ông Phạm Công M trả cho bà Huỳnh Thị Bích N số tiền 200.000.000 đồng.
- Buộc bà Huỳnh Thị Bích N trả lại giấy đăng ký xe mô tô biển số 67T3-1666 do ông Phạm Công M đứng tên được Công an huyện Chợ Mới cấp ngày 27/7/2010.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện ông Phạm Công M. Ông M có nơi cư trú tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải

quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H có văn bản xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên là có căn cứ.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay. Do vậy, vụ án được xác định là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà N, yêu cầu ông M trả số tiền 200.000.000 đồng. Phía ông Phạm Công M thừa nhận còn nợ bà N 200.000.000 đồng, đồng ý trả số tiền trên. Như vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định giữa bà N và ông M đã xác lập Hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, đây là hợp đồng hợp pháp nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà N khởi kiện yêu cầu ông M trả số tiền này là có cơ sở.

[5] Tại phiên Tòa, ông M trình bày do hoàn cảnh khó khăn, nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Xét thấy, việc ông M chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N. Nay, ông M yêu cầu trả dần và yêu cầu này không được bà N đồng ý. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với bản chính giấy đăng ký xe mô tô biển số 67T3-1666 do ông Phạm Công M đứng tên được Công an huyện Chợ Mới cấp ngày 27/7/2010. Phía ông M, bà N đều thống nhất việc ông M giao cho bà N để làm tin, không có việc thế chấp để vay tiền. Ông M không yêu cầu xử lý đối với bản chính giấy đăng ký xe mô tô biển số 67T3-1666 do ông đứng tên. Tuy nhiên, quá trình làm việc bà N đồng ý trả lại cho ông M bản chính giấy đăng ký xe mô tô biển số 67T3-1666 do ông Phạm Công M đứng tên. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, nên có cơ sở buộc bà N giao trả cho ông M bản chính giấy đăng ký xe mô tô biển số 67T3-1666 do ông Phạm Công M đứng tên được Công an huyện Chợ Mới cấp ngày 27/7/2010 là phù hợp.

[7] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Thu H, nhận thấy thời điểm ký kết hợp đồng vay tài sản, giữa ông M và bà H có mối quan hệ vợ chồng. Hiện nay, ông M và bà Thu H đã ly hôn, bà N, ông M xác định bà H đã thực hiện xong phần nghĩa vụ của mình là trả cho bà N số tiền 200.000.000 đồng và bà N không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H liên đới cùng ông M trả nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Về lãi suất, do Nguyên đơn không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Từ những cơ sở phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bích N, buộc ông Phạm Công M có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền vay 200.000.000 đồng. Bà Huỳnh Thị Bích N có nghĩa vụ giao trả cho ông Phạm Công M bản chính giấy đăng ký xe mô tô biển số 67T3-1666 do ông Phạm Công M đứng tên được Công an huyện Chợ Mới cấp ngày 27/7/2010.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Phạm Công M phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Huỳnh Thị Bích N nên phải chịu án phí. theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bích N đối với ông Phạm Công M.

Buộc ông Phạm Công M phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Bích N số tiền vay 200.000.000 (*hai trăm triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bà Huỳnh Thị Bích N có nghĩa vụ giao trả cho ông Phạm Công M bản chính giấy đăng ký xe mô tô biển số 67T3-1666 do ông Phạm Công M đứng tên được Công an huyện Chợ Mới cấp ngày 27/7/2010.

- Án phí dân sự sơ thẩm: 10.000.000 (*mười triệu*) đồng, ông Phạm Công M phải chịu.

Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị Bích N tiền tạm ứng án phí 5.000.000 (*năm triệu*) đồng mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0004611 ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Anh Thư**









